TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-6-2018
V/v ly hôn giữa anh T và chị Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thọ

Ông Trịnh Bá Sơn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:**

Bà Lưu Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về "Ly hôn và nuôi con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Đình T, sinh năm 1988; Địa chỉ tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Hiện đang cư trú tại Hàn Quốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về giải quyết con chung và tài sản, công nợ chung:* Ông Vũ Văn Đ; cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Theo văn bản ủy quyền ngày 21-5-2018.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1989; Đăng ký hộ khẩu: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Tạm trú tại: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà sơ thẩm: Ông Đ có mặt. Vắng mặt anh T và chị Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là anh Vũ Đình T trình bày: Anh và chị Phạm Thị Q tự do tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 31-7-2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô xát cãi chửi nhau. Tháng 6 năm 2013 chị Q bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn N, xã L, huyện V ở và sinh sống. Tháng 9 năm 2014 anh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Q.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Vũ Hương L, sinh ngày 27-10-2009 và Vũ Thị Khánh N, sinh ngày 10-10-2011, hiện tại cháu L ở với anh nhưng do ông Vũ Văn Đ là bố đẻ anh nuôi dưỡng, còn cháu N đang ở với chị Q. Sau khi ly hôn anh và chị Q chị thống nhất anh nuôi dưỡng cháu L còn chị Q nuôi dưỡng cháu N không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian anh ở nước ngoài, anh ủy quyền cho ông Vũ Văn Đ là bố đẻ trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh và chị Q khi được Tòa án giao cho anh nuôi và nhận các tài liệu tại Tòa án và giải quyết về con chung và tài sản chung.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm anh tự nguyện nộp toàn bộ.

Tại bản tự khai bị đơn là chị Phạm Thị Q trình bày: Chị và anh Vũ Đình T có đăng ký kết hôn vào ngày 31-7-2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau được 4 năm, đến năm 2012 thì ly thân cho đến nay. Quan điểm của chị nhất trí ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Vũ Hương L, sinh ngày 27-10-2009 và Vũ Thị Khánh N, sinh ngày 10-10-2011, vợ chồng ly hôn chị đề nghị nuôi dưỡng cháu N còn anh T nuôi dưỡng cháu L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án ông Vũ Văn Đ trình bày:

Ông là bố đẻ của anh Vũ Đình T, ông nhận sự ủy quyền của anh T về việc giải quyết con chung, tài sản chung và nhận các tài liệu tại Tòa án. Anh T và chị Q có 2 con chung là Vũ Hương L, sinh ngày 27-10-2009 và Vũ Thị Khánh N,

sinh ngày 10-10-2011. Vợ chồng anh T ly hôn thì anh T nuôi dưỡng cháu L còn chị Q nuôi dưỡng cháu N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị Q đang nuôi dưỡng cháu N, còn ông đang nuôi dưỡng cháu L. Ông nhất trí trong thời gian anh T ở nước ngoài thì ông có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu L. Về tài sản chung và công nợ: Anh T chị Q không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21-5-2018 cháu Vũ Hương L trình bày: Cháu là con của bố Vũ Đình T và mẹ Phạm Thị Q. Bố mẹ cháu sinh được 2 chị em. Cháu đã trực tiếp ở với bố và ông bà nội từ khi bố mẹ ly thân cho đến nay, còn em cháu là Vũ Thị Khánh N đang ở trực tiếp với mẹ và ông bà ngoại. Nay bố mẹ cháu L hôn cháu có nguyện vọng ở với bố cháu và ông bà nội.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Đ giữ nguyên lời trình bày về giải quyết con chung, tài sản và công nợ giữa anh T và chị Q.

Kiểm sát viên-Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng, quyền lợi của đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án, anh T chị Q tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 31-7-2009 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện V là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tháng 9 năm 2014 anh T đi lao động tại Hàn Quốc từ đó đến nay hai bên không liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được, nay anh T xin ly hôn, chị Q nhất trí. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị Q. Về con chung: Anh T chị Q có 2 con chung là Vũ Hương L, sinh ngày 27-10-2009 và Vũ Thị Khánh N, sinh ngày 10-10-2011. Anh T và chị Q đều nhất trí anh T nuôi dưỡng cháu L còn chị Q nuôi dưỡng cháu N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy sự thỏa thuận của anh T và chị Q phù hợp với nguyện vọng của cháu L, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận về nuôi dưỡng con chung giữa anh T và chị Q. Hiện nay, anh T đang ở Hàn Quốc cháu L đang do ông Đ nuôi dưỡng, trong thời gian anh T chưa về Việt Nam, ông Đ và anh T đều nhất trí cháu L do ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà sơ thẩm và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Anh Vũ Đình T và chị Phạm Thị Q đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị Q.

[2] Anh Vũ Đình T và chị Phạm Thị Q trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 31-7-2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chị Q đã về nhà mẹ đẻ ở. Tháng 9 năm 2014 anh T đi lao động xuất khẩu tại Hàn Quốc, vợ chồng không liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn không thể hàn gắn được, anh T xin ly hôn, chị Q nhất trí ly hôn với anh T. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, HĐXX xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị Q.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Vũ Hương L, sinh ngày 27-10-2009 và Vũ Thị Khánh N, sinh ngày 10-10-2011. Hiện tại, cháu L đang ở với anh T nhưng anh T đang ở nước ngoài nên ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, còn cháu N đang ở với chị Q. Vợ chồng ly hôn anh T và chị Q đều nhất trí anh T nuôi dưỡng cháu L, chị Q nuôi dưỡng cháu N và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, sự thỏa thuận về nuôi con chung giữa anh T và chị Q là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu L, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này. Hiện tại anh T chưa về Việt Nam, quá trình giải quyết vụ án anh T và ông Đ đều nhất trí trong thời gian anh T ở nước ngoài thì ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu L nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về công nợ và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T tự nguyện nộp toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Đình T và chị Phạm Thị Q.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Vũ Đình T và chị Phạm Thị Q cụ thể là anh T nuôi dưỡng cháu Vũ Hương L, sinh ngày 27-10-

2009, chị Q nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Khánh N, sinh ngày 10-10-2011 hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh T ở nước ngoài thì ông Vũ Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Hương L. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Đình T tự nguyện nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm anh T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0001095 ngày 11-5-2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Thị Thu